

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Nội dung đánh giá		Kết quả đánh giá	
		Đạt	Không đạt
I. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa			
1. Phạm vi cung cấp			
1.1. Cung cấp thiết bị, lắp đặt, hướng dẫn vận hành, chạy thử, bàn giao đưa vào sử dụng và bảo hành: 10 Ô tô tải tự đổ, khung cứng, tải trọng 90÷100 tấn. Toàn bộ thiết bị mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất 2025-2026, đảm bảo theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất.		Đạt	
- Không đáp ứng mục 1.1			Không đạt
1.2. Xuất xứ hàng hóa thuộc Nhóm G7.		Đạt	
- Không đáp ứng mục 1.2			Không đạt
2. Đặc tính kỹ thuật, chất lượng của thiết bị			
Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, bao gồm các yếu tố như công suất, hiệu suất của máy móc, thiết bị; mức tiêu hao điện năng, nguyên nhiên vật liệu.	2.1. Tải trọng định mức của xe $Q_{\max} \geq 90$ tấn.	Đạt	
	- Không đáp ứng mục 2.1.		Không đạt
	2.2. Động cơ Diesel 4 kỳ, điều khiển điện tử, làm mát bằng nước, phun nhiên liệu trực tiếp vào buồng đốt, có turbo tăng áp, nhà sản xuất động cơ, đồng thời là nhà sản xuất thiết bị.	Đạt	
	- Không đáp ứng mục 2.2.		Không đạt
	2.3. Công suất Net (công suất thực) của động cơ sau bánh đà ($N_{\max}$) ≥ 700 kW.	Đạt	
	- Không đáp ứng mục 2.3.		Không đạt
	2.4. Hộp số biến mô, thủy lực, tự động hoàn toàn, loại bánh răng hành tinh, điều khiển bằng điện, hoạt động bằng thủy lực ≥ 7 cấp số tiến và ≥ 1 cấp số lùi.	Đạt	
	- Không đáp ứng mục 2.4.		Không đạt
	2.5. Vận tốc cực đại của thiết bị: $40\text{km/h} \leq V_{\max} \leq 80 \text{ km/h}$	Đạt	
	- Không đáp ứng mục 2.5.		Không đạt
	2.6. Bán kính quay vòng nhỏ nhất ($R_{\min}$) $\leq 12,65\text{m}$.	Đạt	
	- Không đáp ứng mục 2.6.		Không đạt

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	
	Đạt	Không đạt
2.7. Dung tích thùng xe chất tải có chóp (ngọn): $\geq 55 \text{ m}^3$.	Đạt	
- Không đáp ứng mục 2.7.		Không đạt
2.8. Khả năng leo dốc tối đa $\geq 30\%$.	Đạt	
- Không đáp ứng mục 2.8.		Không đạt
2.9. Thời gian nâng ben: ≤ 15 giây.	Đạt	
- Không đáp ứng mục 2.9.		Không đạt
2.10. Thời gian hạ ben: ≤ 14 giây.	Đạt	
- Không đáp ứng mục 2.10.		Không đạt
2.11. Độ ồn trong ca bin $\leq 80\text{dB}$.	Đạt	
- Không đáp ứng mục 2.11.		Không đạt
2.12. Khoảng sáng gầm xe ($H_{\max}$) $\geq 775 \text{ mm}$.	Đạt	
- Không đáp ứng mục 2.12.		Không đạt
2.13. Hệ thống lái: Trợ lực hoàn toàn bằng thủy lực, có trang bị bơm lái khẩn cấp khi hệ thống bơm chính gặp sự cố không hoạt động được.	Đạt	
- Không đáp ứng mục 2.13.		Không đạt
2.14. Hệ thống phanh: Phanh bánh xe trước (Loại phanh đĩa hoặc đĩa, ma sát khô hoặc làm mát bằng dầu). Phanh bánh xe sau (Thủy lực hoàn toàn loại đĩa đĩa).	Đạt	
- Không đáp ứng mục 2.14.		Không đạt
2.15. Hệ thống cân tải trọng: Có hệ thống cân tải trọng.	Đạt	
- Không đáp ứng mục 2.15.		Không đạt
2.16. Hệ thống kiểm soát trên ca bin: Có đồng hồ hiển thị tình trạng hoạt động của thiết bị, lưu trữ các dữ liệu về tình trạng hoạt động của thiết bị	Đạt	
- Không đáp ứng mục 2.16.		Không đạt
2.17. Hệ thống quản lý thiết bị trực tuyến từ xa: Có tính năng kết nối với hệ thống quản lý thiết bị từ xa, cho phép giám sát, quản lý tình trạng vận hành thiết bị.	Đạt	
- Không đáp ứng mục 2.17.		Không đạt
2.18. Loại bánh xe: Được lắp lốp bố thép, không sẫm, chịu cắt chém mài mòn, độ bám đường tốt, chịu tải trọng cao, phù hợp	Đạt	

Nội dung đánh giá		Kết quả đánh giá	
		Đạt	Không đạt
	với điều kiện địa hình khai thác ở các mỏ lộ thiên vùng Quảng Ninh.		
	- Không đáp ứng mục 2.18.		Không đạt
2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa			
Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa, khả năng lắp đặt thiết bị, bố trí cán bộ kỹ thuật.	Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế.	Đạt	
	Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa nhưng chưa hoàn toàn hợp lý và hiệu quả kinh tế.	Chấp nhận được	
	Không có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế.		Không đạt
3. Thời gian thực hiện gói thầu và Thời gian thực hiện hợp đồng			
3.1. Thời gian thực hiện gói thầu			
Bảng thời gian thực hiện gói thầu cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT.	≤ 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Đạt	
	> 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực		Không đạt
3.2. Thời gian thực hiện hợp đồng, bao gồm: Thời gian thực hiện gói thầu và thời gian bảo hành.			
Thời gian thực hiện gói thầu	≤ 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Đạt	
Thời gian bảo hành	≥ 18 tháng hoặc ≥ 6000 giờ hoạt động đầu tiên cho toàn bộ thiết bị.	Đạt	
Không đáp ứng khoản 3.2 mục 3 trong bảng này.			Không đạt
4. Khả năng thích ứng và tác động đối với môi trường			
4.1 Khả năng thích ứng về địa lý			
Khả năng thích ứng về địa lý	Hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý.	Đạt	
	Hàng hóa được cung cấp không hoàn toàn thích ứng về địa lý.	Chấp nhận được	
	Hàng hóa được cung cấp không thích ứng về địa lý.		Không đạt
4.2 Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết			
Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến	Hàng hóa được cung cấp không có ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường và đề xuất biện pháp giải quyết hợp lý.	Đạt	

Nội dung đánh giá		Kết quả đánh giá	
		Đạt	Không đạt
môi trường và đề xuất biện pháp giải quyết.	Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường và có đề xuất biện pháp giải quyết.	Chấp nhận được	
	Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường và không đề xuất được biện pháp giải quyết.		Không đạt
5. Bảo hành, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật			
Thời gian bảo hành	Thời gian bảo hành được tính kể từ khi hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng và bên bán thực hiện nghĩa vụ bảo hành là ≥ 18 tháng hoặc ≥ 6000 giờ hoạt động đầu tiên cho toàn bộ thiết bị.	Đạt	
	Thời gian bảo hành được tính kể từ khi hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng và bên bán thực hiện nghĩa vụ bảo hành là < 18 tháng hoặc < 6000 giờ hoạt động đầu tiên cho toàn bộ thiết bị.		Không đạt
Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật	Có dịch vụ kỹ thuật của Nhà sản xuất tại Quảng Ninh.	Đạt	
	Có dịch vụ kỹ thuật của Nhà sản xuất tại các tỉnh khu vực Đông Bắc Việt Nam (ngoài Quảng Ninh).	Chấp nhận được	
	Không có dịch vụ kỹ thuật của Nhà sản xuất tại Quảng Ninh hoặc tại các tỉnh khu vực Đông Bắc Việt Nam (ngoài Quảng Ninh).		Không đạt
6. Uy tín của nhà thầu: Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP			

Nội dung đánh giá		Kết quả đánh giá	
		Đạt	Không đạt
Nhà thầu có cam kết không có một trong các hành vi trong việc tham dự thầu, Trừ trường hợp nhà thầu đồng thời được xếp thứ nhất ở nhiều gói thầu hoặc do bất khả kháng, nhà thầu bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu khi thực hiện các hành vi sau: a) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời đối chiếu tài liệu; b) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã tiến hành nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 45 của Nghị định này; c) Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định này;	- Có cam kết, không có các hành vi trong việc tham dự thầu đầy đủ ở các nội dung a, b, c, d, đ, e, g, h, i. (Trường hợp phát hiện nhà thầu không trung thực thì E-HSĐT bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận trong đấu thầu).	Đạt	
	- Không có cam kết, không có các hành vi trong việc tham dự thầu đầy đủ ở các nội dung a, b, c, d, đ, e, g, h, i.		Không đạt

Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	
	Đạt	Không đạt
d) Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng. đ) Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; e) Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu; g) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng; h) Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc đã trúng thầu nhưng không thực hiện theo cam kết trong đơn dự thầu đối với chào giá trực tuyến rút gọn; i) Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu xây lắp, PC, phần xây lắp trong gói thầu EC theo cam kết		

Nội dung đánh giá		Kết quả đánh giá	
		Đạt	Không đạt
trong đơn dự thầu đối với đấu thầu trong nước.			
7. Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo chuyển giao công nghệ			
Điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo, chuyển giao công nghệ hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về thời gian thực hiện gói thầu cung cấp hàng hóa.	Có điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo, chuyển giao công nghệ hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về thời gian thực hiện gói thầu. Thời gian thực hiện gói thầu cung cấp hàng hóa < 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Đạt	
	Có điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo, chuyển giao công nghệ hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về thời gian thực hiện gói thầu. Thời gian thực hiện gói thầu cung cấp hàng hóa = 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Chấp nhận được	
	Có điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo, chuyển giao công nghệ hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về thời gian thực hiện gói thầu. Thời gian thực hiện gói thầu cung cấp hàng hóa > 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực		Không đạt
Kết Luận	Đạt tất cả các nội dung trên	Đạt	
	Không đạt một trong các nội dung trên		Không đạt

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.